TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2024
V/v tranh chấp *"ly hôn"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa
Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Ông Đặng Hữu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị A, sinh năm 1973 (*có đơn xin vắng mặt*);
- Bị đơn: Ông Nguyễn Huy B, sinh năm 1971 (*vắng mặt không có lý do*);
Nơi cư trú: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2023, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị A trình bày:

Bà Mai Thị A và ông Nguyễn Huy B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 và có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu sống chung, bà A và ông B rất hạnh phúc. Đến năm 2014, giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên thường xuyên cãi vã nhau, bà A cho rằng ông B không có trách nhiệm với gia đình, hai bên không tìm được tiếng nói chung, ông B còn đánh bà A nhiều lần và bà đã bỏ về quê sinh sống. Tuy nhiên, do thương các con nên bà quay lại chung sống với ông B nhưng ông vẫn không thay đổi tính nết, sau đó bà A và ông B đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay

không còn ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm gì với ông B, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo hướng không công nhận quan hệ giữa bà A và ông B là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống giữa bà và ông B có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2001 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009. Sau khi được Tòa án chấp nhận yêu cầu không công nhận giữa bà ông B không phải là vợ chồng thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với người con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2001 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh D.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A trình bày trong thời gian sống chung giữa bà A và ông B không có tài sản chung và nợ chung gì, do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Huy B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2024, cháu Nguyễn Thị Quỳnh D trình bày:

Cháu là con ruột của bà A và ông B, hiện đã 16 tuổi và đang học lớp 10 tại trường Trung học phổ thông Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Cháu biết việc mẹ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bố. Về mâu thuẫn vợ chồng thì cháu nhận thấy bố mẹ hay gây gỗ, cãi vã nhau và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay và cháu đang ở với mẹ. Khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cháu tốt hơn bố. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đượng sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; 14; 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên

tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà A và ông B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp "*ly hôn*" do bà Mai Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Huy B cư trú tại: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà A có mặt đầy đủ và đã có Bản lời khai ghi rõ nguyện vọng của mình, đồng thời đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Riêng bị đơn ông B vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng mà không có lý do chính đáng, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt, nên được xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A, ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của là bà A cho thấy, bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cho nên, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A và không công nhận mối quan hệ giữa bà A và ông B là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2001 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời trình bày của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về phía cháu D cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với bà A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu D, nghĩ cần thiết

phải giao người con chung là cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật. Đối với con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2001 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28; Điều 35; 36; 39; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị A về tranh chấp "Ly hôn".

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố bà Mai Thị A và ông Nguyễn Huy B không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009 cho bà Mai Thị A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

3.Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008007 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ toạ phiên toà

Văn Phú Vinh

Nơi nhận
- *TAND, VKSND tỉnh BP;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*